

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2022/TLST- KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H; địa chỉ: đường N, phường B, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số Bis, đường N, phường B, Quận A, Thành phố H (là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 27/2022/UQ-TPXLN ngày 15/4/2022). Bà T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty T; Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984 và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Đường T, khu phố 4, phường B, thành phố T, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: đường ĐT, khu phố Đ, phường D, tỉnh B. Ông T và bà D vắng mặt không lý do.

3.2. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1982 và bà Trịnh Thị Vân A, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ông T2 và bà A vắng mặt không lý do.

3.3. Cháu Phạm Yến V, sinh năm 2007 và cháu Phạm Long V, sinh năm 2012; Cùng địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Do ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A (cha, mẹ); cùng địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo pháp luật. Ông T2 và bà A vắng mặt không lý do.

3.4. Công ty TTP; Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T2 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22 tháng 4 năm 2022, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng H do bà Lê Thị T đại diện trình bày:*

Ngân hàng H đã cấp tín dụng cho Công ty T với hạn mức 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), tổng số tiền đã nhận nợ là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), dư nợ tính đến ngày 15/04/2022 là 6.999.999.938 đồng (Sáu tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm ba mươi tám đồng), theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46330/20MN/HĐTD ngày 06/01/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 46330/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày nhận nợ 16/07/2021; số tiền vay 7.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng; lãi suất vay 9%/năm; ngày đến hạn 16/01/2022; Còn dư nợ 6.999.999.938 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khí công nghiệp và thi công trình điện lạnh (bao gồm cả chi lương).

** Khoản vay của Công ty T được bảo đảm bằng các tài sản sau:*

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 301; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 662945, số vào sổ cấp GCN: CH 01052 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/09/2010, cập nhật thay đổi ngày 02/07/2012 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 300; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 263694, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 04804 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh B cấp ngày 20/02/2009, cập nhật thay đổi ngày 23/05/2012 thuộc

quyền sở hữu của ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A.

Hai tài sản nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 tại Văn phòng công chứng L, tỉnh B và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/01/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 295; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 329350, số vào sổ cấp GCN: CH 04547 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh B cấp ngày 23/11/2012 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T – Đại diện theo pháp luật của Công ty T và bà Trần Thị Mỹ D (vợ của ông T).

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 tại Văn phòng công chứng L, tỉnh B và được Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/01/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An.

Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, cụ thể khách hàng đến hạn gốc lãi từ ngày 16/01/2022 tính đến ngày 15/04/2022 tổng số tiền mà Công ty T còn nợ Ngân hàng H tổng cộng là 7.278.980.002 đồng (Bảy tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi ngàn không trăm lẻ hai đồng), gồm: Nợ gốc 6.999.999.938 đồng; Lãi trong hạn 47.468.497 đồng; Lãi quá hạn 231.511.567 đồng. Đến nay Công ty T vẫn chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng H.

Tại phiên tòa, Ngân hàng H khởi kiện Công ty T yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

1. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 7.715.695.004 đồng, gồm:

- + Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng
- + Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng
- + Lãi quá hạn: 668.226.569 đồng

2. Đồng thời, yêu cầu Công ty T phải tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H từ ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện

nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng H không có yêu cầu gì khác.

** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T do ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Công ty T và Ngân hàng H có ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 46330/20MN/HĐTD, ngày 06/01/2021 với hạn mức 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), tổng số tiền đã nhận nợ là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), dư nợ hiện tại tính đến ngày 15/04/2022 là 6.999.999.938 đồng.

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh sản xuất kinh doanh khí công nghiệp và thi công công trình điện lạnh (bao gồm cả chi lương).

Ông T có dùng tài sản cá nhân vợ chồng ông T là: Diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 295 tờ bản đồ E2.1 tọa lạc tại Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL329350, số vào sổ cấp GCN: CH 04547 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh B cấp ngày 23/11/2012 cho bà Trần Thị Mỹ D thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T.

Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 tại Văn phòng Công chứng L, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình vay mượn bị đơn đã thanh toán được một phần nợ cho ngân hàng và còn nợ lại nợ gốc và một phần lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/04/2022, tổng cộng là 7.278.980.002 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng, Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng, Lãi quá hạn: 231.511.567 đồng.

Đồng thời, đồng ý tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H từ ngày 16/04/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 và số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021. Toàn bộ số tiền thu

được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông Phạm Văn T là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty - là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T, bà D là vợ của ông T.

Khi Công ty T ký Hợp đồng tín dụng hạn mức để vay tiền của Ngân hàng H thì ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D có dùng tài sản của vợ chồng là: Diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 295 tờ bản đồ E2.1 tọa lạc tại Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL329350, số vào sổ cấp GCN: CH 04547 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh B cấp ngày 23/11/2012 cho bà Trần Thị Mỹ D thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T.

Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 tại Văn phòng Công chứng L, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Theo Hợp đồng thế chấp không thể hiện nhà do tài sản trên đất không được ghi nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do chỉ là nhà tạm, tiền chế. Căn nhà nêu trên hiện do vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D quản lý, cho anh em công nhân ở tạm để đi làm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng H.

Trường hợp Công ty T không trả nợ được cho Ngân hàng H thì đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng H. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chúng tôi sẽ tìm các phương án khác để trả hết khoản nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Vân A, đồng thời là đại diện theo pháp luật (mẹ) của cháu Phạm Yến V và cháu Phạm Long V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Công ty T do ông Phạm Văn T (em chồng bà A) là người đại diện theo pháp luật nhưng thực tế cũng là công ty của gia đình.

Khi Công ty T ký Hợp đồng tín dụng hạn mức để vay tiền của Ngân hàng H thì vợ chồng ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A có dùng tài sản của vợ chồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T, cụ thể:

+ Diện tích đất 107,5m² thuộc thửa đất số 301 tờ bản đồ số E2.1, đất tọa lạc tại khu nhà ở Công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thành

phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC662945, số vào sổ cấp GCN: CH 01052 do UBND huyện nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/9/2010 cho bà Trần Thị Vân A.

+ Diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 300 tờ bản đồ số E2.1, đất tọa lạc tại khu nhà ở Công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 263694, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H04804 do UBND huyện nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/02/2009, cập nhật thay đổi ngày 23/05/2012 cho ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A.

Vợ chồng ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 tại Văn phòng Công chứng L, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không thể hiện có tài sản trên đất. Tài sản trên đất không được ghi nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do khi mua thì chưa có nhà nên chưa được chứng nhận quyền sở hữu.

Hai căn nhà nêu trên liền nhau, hiện vợ chồng bà A, ông T2 và 02 con tên Phạm Yến V, sinh năm 2007 và Phạm Long V, sinh năm 2012 đang ở. Chồng bà A (ông Phạm Văn T2) là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty - là người đại diện theo pháp luật của Công Ty TTP. Do đó, có sử dụng địa chỉ Số khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B thuộc thửa đất số 301 tờ bản đồ số E2.1, đất tọa lạc tại khu nhà ở Công nhân Công ty TNHH Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B để đăng ký trụ sở công ty.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng H.

Trường hợp Công ty T không trả nợ được cho Ngân hàng H thì đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng H. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì sẽ tìm các phương án khác để trả hết khoản nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T đồng thời là đại diện theo pháp luật (cha) của cháu Phạm Yến V và cháu Phạm Long V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Trong thời gian vừa qua chúng tôi có nhận được các công văn của Ngân hàng H về việc xử lý khoản vay quá hạn của Công ty T với Ngân hàng H, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh vừa qua đã ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của chúng tôi (dịch bệnh các Công ty là khách hàng của chúng tôi phải nghỉ dịch theo chỉ thị của nhà nước, mọi hoạt động bị gián đoạn dẫn đến việc Công ty chúng tôi không có doanh thu trong thời gian dịch bệnh, sau dịch bệnh chúng tôi lại phải giải quyết những thiệt hại do dịch bệnh gây ra, giải quyết tiền lương

công nhân để vượt qua đại dịch, các khách hàng của chúng tôi cũng xin khất lại công nợ để giải quyết nội bộ của công ty, hàng hóa chúng tôi đi mua để cung cấp cho khách thì phải trả tiền ngay...). Chúng tôi rất tiếc vì để sự việc xảy ra như thế này, đó là một điều không mong muốn trong kinh doanh.

Đề nghị Ngân hàng H cho Công ty chúng tôi thêm thời gian để giải quyết đất đai đang thế chấp và thu hồi công nợ của khách hàng, sau đó chúng tôi sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho phía Ngân hàng.

** Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TTP vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Tòa án có triệu tập đại diện Công ty TTP đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01/8/2022 nhưng do chúng tôi bận công việc không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp.

Tôi (Phạm Văn T2) là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty - là người đại diện theo pháp luật của Công Ty TTP. Do đó, tôi lấy địa chỉ Số khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B thuộc thửa đất số 301 tờ bản đồ số E2.1, đất tọa lạc tại khu nhà ở Công nhân Công ty TNHH Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B để đăng ký trụ sở Công ty TTP.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chúng tôi đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng H.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian qua do tình hình dịch bệnh Covid19 ảnh hưởng chung đến nền kinh tế của cả nước cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của bị đơn cũng gặp rất nhiều khó khăn. Đồng thời nhiều công trình của bị đơn bị tạm dừng dẫn tới quá trình nghiệm thu với khách hàng bị kéo dài ...Do đó, đề nghị nguyên đơn cho thêm thời gian để thu hồi công nợ, sắp xếp nguồn tiền thanh toán cho nguyên đơn.

Trường hợp Công ty T không trả nợ được cho Ngân hàng H thì chúng tôi đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp cho Ngân hàng H. Tôi với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty TTP không có ý kiến gì.

** Tại văn bản số 1195/ĐKKD ngày 21/9/2022 Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin:*

Công ty T, mã số doanh nghiệp 3702440825; đăng ký lần đầu ngày 01/3/2016; địa chỉ trụ sở chính: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Phạm Văn T; Chứng minh nhân dân số 025490437 ngày cấp 09/9/2011 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Đường T, khu phố 4, phường B, thành phố T, Thành phố H; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Hiện tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán khoản nợ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng Hạn mức và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Công ty T có địa chỉ trụ sở chính: khu phố T, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D; ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A (đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Yến V và cháu Phạm Long V); người đại diện hợp pháp của Công ty TTP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2022 và ngày 28/9/2022 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D; ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A (đồng thời là đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Yến V và cháu Phạm Long V); người đại diện hợp pháp của Công ty TTP; đồng thời đã triệu tập hợp lệ họ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập hợp lệ họ tham gia phiên tòa nhưng các đương sự trên đều vắng mặt không có lý do.

Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chứng cứ bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung: Ngày 06/01/2021, Ngân hàng H và Công ty T đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46330/20MN/HĐTD, ngày 06/01/2021 với hạn mức 7.000.000.000 đồng. Ngày 16/7/2021, Ngân hàng H đã giải ngân cho Công ty T theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 46330/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày 16/7/2021 với số tiền vay 7.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng; lãi suất vay 9%/năm; ngày đến hạn 16/01/2022; Còn dư nợ 6.999.999.938 đồng.

Dư nợ của Công ty T tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2022 là 7.715.695.004 đồng, gồm:

- + Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng
- + Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng
- + Lãi quá hạn: 668.226.569 đồng

* Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 46330/20MN/HĐTD, ngày 06/01/2021 với hạn mức 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), tổng số tiền đã nhận nợ là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), dư nợ hiện tại tính đến 15/04/2022 là 6.999.999.938 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/04/2022, tổng cộng là 7.278.980.002 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng,
- + Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng,
- + Lãi quá hạn: 231.511.567 đồng.

Đồng thời, đồng ý tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H từ ngày 16/04/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Bị đơn Công ty T thừa nhận nghĩa vụ đối với Ngân hàng H do đó đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2022, tổng cộng: 7.715.695.004 đồng, gồm: Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng; Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng; Lãi quá hạn: 668.226.569 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả liền lãi:

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 13783/20MN/HĐTD ngày 09/07/2020 lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận là bằng 150% mức lãi trong hạn.

Do đó, căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn Công ty T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng H các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46330/20MN/HĐTD, ngày 06/01/2021 và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 46330/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày 16/7/2021 đã ký giữa Công ty T với Ngân hàng H.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[4.1] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Đình Thao và được đăng ký thế chấp ngày 07/01/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 295; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 329350, số vào sổ cấp GCN: CH 04547 do UBND thị xã nay là thành phố D, tỉnh B cấp ngày 23/11/2012 là đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai; Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Mỹ D nêu trên là hợp pháp và có hiệu lực.

[4.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Đình Thao và được đăng ký thế chấp ngày 07/01/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 301; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 662945, số vào sổ cấp GCN: CH 01052 do UBND thị xã nay là thành phố Dĩ

An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/09/2010, cập nhật thay đổi ngày 02/07/2012 và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 300; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 263694, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 04804 do UBND thị xã nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/02/2009, cập nhật thay đổi ngày 23/05/2012 là đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai; Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T2 và bà Trịnh Thị Vân A nêu trên là hợp pháp và có hiệu lực.

[4.3] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/6/2022 thể hiện:

+ Thửa đất số 295: Nhà ở riêng lẻ loại một tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần thạch cao, cửa sắt kéo, mái tole, diện tích 100m²; 01 Đồng hồ điện kế chính; 01 Đồng hồ nước máy;

+ Thửa đất số 300: Nhà ở riêng lẻ loại một tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch + Bê tông cốt thép, sàn tầng lửng bên tô cốt thép, trần thạch cao, cửa kính khung sắt, cửa kính khung nhôm, mái tole, diện tích 100m²; diện tích tầng lửng 32,5m²; 01 Đồng hồ điện kế chính; 01 Đồng hồ nước máy;

+ Thửa đất số 301: Nhà ở riêng lẻ loại một tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, trần thạch cao, cửa gỗ + cửa kính, cửa sắt cuốn, cửa kính khung nhôm, mái tole, diện tích 107,5m²; 01 Đồng hồ điện kế chính; 01 Đồng hồ nước máy;

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32833/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 32832/20MN/HĐBĐ ngày 06/01/2021 giữa Ngân hàng H với ông Phạm Văn T2, bà Trịnh Thị Vân A không thể hiện các tài sản trên đất nêu trên.

Đối với tài sản trên thửa đất số 295 ông T và bà D trình bày không được ghi nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do chỉ là nhà tạm, tiền chế. Nhà này ông bà dựng tạm cho anh em công nhân ở tạm.

Đối với tài sản trên thửa đất số 300, 301, bà A trình bày tài sản trên đất không được ghi nhận vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do khi mua thì chưa có nhà nên chưa được chứng nhận quyền sở hữu. Nhà hiện do vợ chồng bà A, ông T2 và 02 con tên Phạm Yến V, sinh năm 2007 và Phạm Long V, sinh năm 2012 đang ở.

Ông T2 là người đại diện theo pháp luật của Công Ty TTP. Nên có lấy địa chỉ Số khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuộc thửa đất số 301 tờ bản đồ số E2.1, đất tọa lạc tại khu nhà ở Công nhân Công ty TNHH Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B để đăng ký trụ sở Công Ty TTP.

Khoản 3 Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về tài sản thế chấp như sau: “3. Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp thì tài sản gắn liền với đất cũng thuộc tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, mặc dù ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D; ông Phạm Văn T2, bà Trịnh Thị Vân A không thế chấp tài sản gắn liền với đất nhưng tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D; ông Phạm Văn T2, bà Trịnh Thị Vân A nên thì tài sản gắn liền với đất nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Mỹ D, ông Phạm Văn T2, bà Trịnh Thị Vân A; người đại diện theo pháp luật của Công ty TTP đồng ý trong trường hợp Công ty T không trả nợ được cho Ngân hàng H thì đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu của Ngân hàng H về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên Công ty T phải nộp 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty T phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 298, Điều 299; Khoản 3 Điều 318; Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai;

Căn cứ vào các Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của nguyên đơn Ngân hàng H đối với bị đơn Công ty T.

1.1. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng Hạn mức số 46330/20MN/HĐTD ngày 06/01/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 46330/20MN/HĐTD/KUNN02 ngày 16/7/2021, tính đến ngày 28/9/2022 là 7.715.695.004 đồng (bảy tỷ bảy trăm mười lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn không trăm lẻ bốn đồng), gồm:

Nợ gốc: 6.999.999.938 đồng;

Lãi trong hạn: 47.468.497 đồng;

Lãi quá hạn: 668.226.569 đồng;

1.2. Công ty T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng H các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký nêu trên.

1.3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 295; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 329350, số vào sổ cấp GCN: CH 04547 do UBND thị xã nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/11/2012

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 301; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 662945, số vào sổ cấp GCN: CH 01052 do UBND thị xã nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/09/2010, cập nhật thay đổi ngày 02/07/2012.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 300; tờ bản đồ số E2.1, địa chỉ: Khu nhà ở công nhân Công Ty TNHH Đ, khu phố T, phường T, thị xã nay là thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 263694, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 04804 do UBND thị xã nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/02/2009, cập nhật thay đổi ngày 23/05/2012

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng H. Nếu số tiền phát

mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty T phải nộp 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng H.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty T phải chịu 115.715.695 đồng (một trăm mười lăm triệu bảy trăm mười lăm ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền 57.639.490 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003802 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam